

Bản án số: 42 /2019/HNGĐ- ST
Ngày 21-6-2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- **Thư ký phiên toà:** Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/5/2019 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXX-ST ngày 05/6/2019 và giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1968; HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1966; HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - bà Trần Thị L trình bày: Tôi và ông Nguyễn Trọng N kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th năm 1987 nhưng đã bị mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống bình thường. Đến tháng 5/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do ý kiến bất đồng, từ đó ông N nhiều lần đánh đập, chửi, đui tôi trước sự chứng kiến của các con. Quá trình mâu thuẫn tôi đã đề nghị ông N cho tôi ở riêng cùng một con nhưng ông N không đồng ý và bắt tôi phải sống cùng ông N. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông N.

Về con chung: có 02 con chung là anh Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 09/7/1988 và Nguyễn Trọng Ng1, sinh ngày 25/9/1991. Hai con đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Trọng N trình bày: Tôi và bà L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th năm 1987 nhưng đã bị mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc, có hai con chung, hai con hiện đã lập gia đình. Chúng tôi đã có cháu nội. Không hiểu sao mà năm 2017 và năm 2018 bà L đòi ra ở riêng với một con, tôi nghĩ vẫn là vợ chồng nên không đồng ý cho bà L ra ở riêng, từ đó bà L bức xúc và làm đơn xin ly hôn tôi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, có lúc xô xát nhưng không đến mức nghiêm trọng. Đến nay tôi vẫn còn tình cảm với bà L, chúng tôi đã có con, có cháu, chung sống với nhau được 32 năm nên tôi không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để chúng tôi đoàn tụ. Nay tôi cũng đồng ý cho bà L muốn ở với con nào tôi cũng đồng ý, miễn là bà L đi đâu, làm gì thì nói với tôi, tôn trọng tôi.

Về con chung: có 02 con chung là anh Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 09/7/1988 và Nguyễn Trọng Ng1, sinh ngày 25/9/1991. Hai con đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Bà L được ly hôn ông N. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Bà L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Trọng N. Hiện ông Nguyễn Trọng N đang cư trú tại Thôn T, xã Th, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Trọng N thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, bà L và ông N đều trình bày ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th năm 1987 nhưng đã bị mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, do đó xác nhận hôn nhân giữa bà L và ông N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà L và ông N chung sống bình thường, đến năm 2017 mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L thì nguyên nhân mâu thuẫn do ông N là người khô khan, gia trưởng, trong cuộc sống bà nhiều lần bà phải nhẫn nhịn để nuôi dạy các con trưởng thành, đến khi các con trưởng thành và lập gia đình thì năm 2017 bà mới đề nghị ông N cho bà ở riêng để không xảy ra mâu thuẫn nhưng ông N không đồng ý, còn đánh đập bà nhiều lần, ngày 20/4/2019, ông N đuổi bà ra khỏi nhà, bắt bà ôm quần áo đi bộ từ làng này sang làng khác, từ đó bà L về nhà bố mẹ cũng ở Thôn T, xã Th, huyện Chương Mỹ ở để chăm sóc bố mẹ, ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Còn theo ông N thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do bà L đòi ra ở riêng với một con, ông nghĩ vẫn là vợ chồng nên không đồng ý cho bà L ra ở riêng, từ đó bà L bức xúc và làm đơn xin ly hôn, trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, có lúc xô xát nhưng không đến mức nghiêm trọng, đến nay ông N khẳng định vẫn còn tình cảm với bà L, ông bà đã có con, có cháu, chung sống với nhau được 32 năm nên ông N không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải và bác đơn ly hôn của bà L để vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông N. Xét thấy, tình cảm giữa bà L và ông N không còn, hai ông bà không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng có biểu hiện không tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L với ông N là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông N có 02 con chung là anh Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 09/7/1988 và Nguyễn Trọng Ng1, sinh ngày 25/9/1991. Hai con đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L và ông N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bà **Trần Thị L** được ly hôn ông **Nguyễn Trọng N**.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003970 ngày 04/5/2019.

Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Trọng N có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TAND thành phố Hà Nội;

VKSND huyện (02 bản);

Các đương sự;

Lưu HS, VP

Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quý